

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/6/2021		•	
Tuần 21/6-25/6/2021		•	
Tháng 6/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex duy trì sắc xanh trong phiên sáng nhưng nhanh chóng điều chỉnh trong phiên chiều. Dòng tiền đầu tư tiếp suy yếu so với phiên lập đỉnh trước khi chỉ có 7/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước. BSC duy trì quan điểm thị trường sẽ vận động trong vùng 1350 -1390 điểm. Các nhà đầu tư có thể tận dụng nhịp điều chỉnh này cơ cấu lại danh mục với tỷ trọng tăng vào những mã cơ bản tốt.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: POW_Tích lũy (Trang 3)

Cập nhật ELC (Trang 6)

Điểm nhấn

- VN-Index **-5.14 điểm**, đóng cửa **1372.63**. HNX-Index **-2.49 điểm**, đóng cửa **316.24**.
- Kéo chỉ số tăng: **NVL (+1.78)**; **PLX (+0.75)**; **MSN (+0.71)**; **MWG (+0.63)**; **FPT (+0.39)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.94)**; **BID (-1.27)**; **CTG (-0.92)**; **VNM (-0.86)**; **HPG (-0.82)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,443 tỷ đồng**, **-2.3%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 22,651 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 13.89 điểm. Thị trường có **173** mã tăng, 39 mã tham chiếu và **232** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1098.85 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **NVL (-362.2 tỷ)**, **HPG (-336.0 tỷ)** và **VNM (-95.8 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-33.72 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1372.63**
Giá trị: 20443.22 tỷ **-5.14 (-0.37%)**
Khối ngoại (ròng): -1098.85 tỷ

HNX-INDEX **316.24**
Giá trị: 2980.05 tỷ **-2.49 (-0.78%)**
Khối ngoại (ròng): -33.72 tỷ

UPCOM-INDEX **89.71**
Giá trị: 1509.01 tỷ **-0.51 (-0.57%)**
Khối ngoại(ròng): 19.18 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	71.9	0.40%
Giá vàng	1,784	1.10%
Tỷ giá USD/VND	23,016	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,360	0.17%
Tỷ giá JPY/VND	20,950	0.26%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	9.90%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-0.79%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	127.8	NVL	-362.2
VCB	73.6	HPG	-336.0
MSN	57.6	VNM	-95.8
STB	54.6	GEX	-88.5
HSG	51.2	SSI	-78.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật ELC	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 21/6

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	71.92	0.39%	1.50%	13.50%	72.97%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	73.72	0.29%	1.20%	13.30%	67.39%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	216.57	-0.12%	-0.30%	3.20%	64.47%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1783.72	1.11%	-4.40%	-5.00%	0.77%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.01	0.88%	-6.60%	-6.30%	44.42%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1292.75	-1.54%	-7.30%	-5.60%	47.45%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	657.00	-1.31%	-3.20%	-3.50%	25.86%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.33	0.23%	0.50%	-6.20%	6.65%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	211.33	-0.66%	-2.70%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.66	0.00%	-4.20%	-2.60%	38.95%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	150.35	-1.05%	-3.70%	-1.70%	44.15%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9145.50	-1.82%	-8.60%	-12.10%	56.35%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	771.33	-2.48%	-5.90%	-8.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	816.31	-2.45%	-5.70%	-9.70%			
Nhôm	USD/ton	2385.00	-0.62%	-3.20%	-3.80%	49.81%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	180.90	-5.02%	-4.70%	-3.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	123.50	-0.60%	-0.40%	27.00%	90.88%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent tăng 0.23 USD tương đương 0.3% lên 73.74 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 0.30 USD tương đương 0.4% lên 71.94 USD/thùng. HĐTL dầu thô tăng chủ yếu bởi cầu dầu trong tăng theo mùa vụ, và đàm phán hạt nhân của Iran chưa mấy tiến triển.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.5% lên 1,771.98USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn New York tăng 0.3% xuống 1,772.5 USD/ounce. Vàng tăng trở lại sau khi giảm mạnh 6% trong tuần liền trước, chủ yếu bởi lợi suất tín phiếu suy giảm sau những phiên tăng mạnh tại tuần trước.

	21/6	% 21/6	18/6	% 18/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1372.63	-0.37%	1377.77	1.31%	0.80%	7.39%
S&P 500			4166.45	-1.31%	-1.91%	0.94%
HĐTL S&P500	4165.50	0.29%	4153.50	-1.39%	-1.89%	1.56%
Shang- hai	3529.18	0.12%	3525.10	-0.01%	-1.69%	0.52%
Euro Stoxx	4090.58	0.18%	4083.37	-1.80%	-1.02%	2.27%

Phân tích kỹ thuật
POW_Tích lũy

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
 - Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
 - Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
 - Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: POW đang ở trong trạng thái đi ngang tích lũy sau khi có quãng thời gian giảm giá trong 2 tháng trước đó. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn đang giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu tiềm năng sẽ thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của POW nằm tại khu vực xung quanh 12. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 14, cắt lỗ nếu ngưỡng 11.3 bị xuyên thủng.

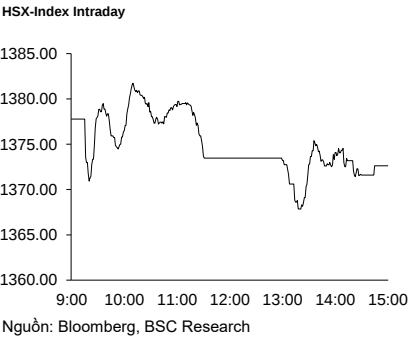


Bảng 1

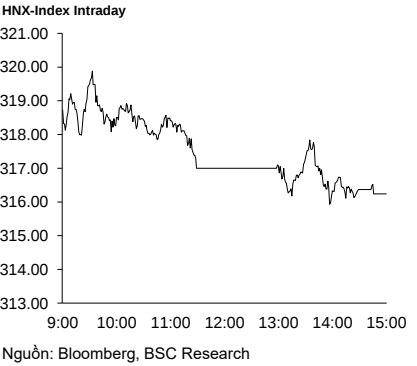
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	3.05%
Bán lẻ	2.27%
Công nghệ Thông tin	1.90%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.54%
Bất động sản	0.22%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.19%
Hóa chất	0.06%
Du lịch và Giải trí	0.01%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	-0.07%
Xây dựng và Vật liệu	-0.26%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.48%
Truyền thông	-0.58%
Y tế	-1.02%
Ngân hàng	-1.24%
Ô tô và phụ tùng	-1.36%
Tài nguyên Cơ bản	-1.37%
Dịch vụ tài chính	-1.45%
Bảo hiểm	-2.08%

Hình 1



Hình 2



Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	10.65	3	3.90%	Có thể tiếp tục mua
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	15.8	4	-3.66%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	17.4	5	1.16%	Có thể tiếp tục mua
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	60.6	6	0.17%	Có thể tiếp tục mua
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	28	7	3.32%	Có thể tiếp tục mua
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	59.7	10	4.19%	Có thể tiếp tục mua
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	14.8	11	4.23%	Có thể tiếp tục mua
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	13.95	12	6.49%	Có thể tiếp tục mua
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	37.75	17	6.34%	Có thể tiếp tục mua
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	30.9	18	7.11%	Có thể tiếp tục mua
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	10.8	19	3.85%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	28.4	21	2.90%	Có thể tiếp tục mua
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	38.1	24	1.87%	Có thể tiếp tục mua
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	58.2	32	-0.34%	Có thể tiếp tục mua
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	35.9	54	1.13%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

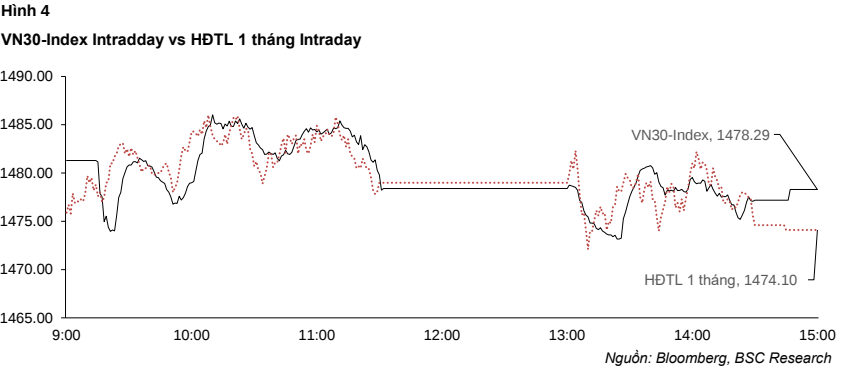
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	TP	10	10.85%
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	SL	3	-4.24%
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	TP	22	14.04%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	TP	15	10.13%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%
5/19/2021	DRC	25.83	31.37	24.72	TP	30	21.45%
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	TP	17	12.45%
5/17/2021	VSC	51	57	48	TP	25	11.76%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	TP	25	23.64%
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	TP	19	25.00%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	13	2	3.59%	-2.00%	2.84%	16
Cổ phiếu đã chốt	157	86	13.71%	-8.12%	5.98%	27

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2107	1474.10	-0.73%	-4.19	-6.0%	198,646	7/15/2021	26
VN30F2108	1470.70	-0.86%	-7.59	1.7%	410	8/19/2021	61
VN30F2109	1470.00	-0.51%	-8.29	-90.4%	11	9/16/2021	89
VN30F2112	1463.50	-0.46%	-14.79	1573.2%	937	12/16/2021	180

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm −3.01 điểm, xuống 1478.29 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VNM, TCB, VCB, CTG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1475-1485 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL2102	9/27/2021	98	16:1	517,000	32.23%	1,100	3,200	7.74%	122	26.24	107,608	94,636	109,000
CFPT2101	7/5/2021	14	6:1	242,900	30.38%	1,500	4,100	0.24%	1,875	2.19	71,867	64,121	85,600
CVHM2102	7/6/2021	15	10:1	253,000	31.82%	1,900	2,560	0.00%	2,517	1.02	106,000	87,000	112,000
CTCB2101	10/5/2021	106	1:1	46,800	37.56%	5,000	23,550	-0.67%	9,477	2.48	36,000	31,000	50,400
CMBB2101	7/6/2021	15	2:1	160,400	36.39%	1,600	7,150	-0.69%	7,350	0.97	29,200	26,000	40,650
CSTB2103	8/9/2021	49	2:1	76,100	44.99%	1,400	7,430	-1.20%	5,983	1.24	20,800	18,000	29,850
CVPB2104	8/27/2021	67	3:1	84,200	37.29%	2,500	7,920	-1.74%	6,003	1.32	56,500	49,000	66,500
CVPB2103	8/9/2021	49	2:1	69,800	37.29%	2,700	15,020	-2.15%	15,116	0.99	41,900	36,500	66,500
CHPG2020	6/30/2021	9	1:1	39,700	36.32%	5,700	43,970	-2.29%	25,230	1.74	23,307	19,116	51,200
CTCB2103	8/9/2021	49	2:1	163,500	37.56%	2,900	9,200	-2.65%	7,567	1.22	41,300	35,500	50,400
CHPG2105	8/9/2021	49	2:1	94,100	36.32%	3,000	16,400	-2.67%	4,816	3.41	48,000	42,000	51,200
CTCB2012	7/30/2021	39	1:1	53,600	37.56%	5,400	28,600	-2.89%	28,511	1.00	27,400	22,000	50,400
CHPG2102	7/5/2021	14	1:1	137,600	36.32%	6,600	29,000	-3.33%	10,275	2.82	34,996	30,144	51,200
CHPG2104	7/5/2021	14	3:1	91,800	36.32%	1,500	8,490	-3.52%	2,173	3.91	36,247	32,938	51,200
CHPG2103	7/6/2021	15	2:1	90,300	36.32%	3,900	13,990	-3.72%	4,643	3.01	36,614	30,879	51,200
CVRE2013	7/30/2021	39	1:1	161,700	36.01%	5,000	6,060	-5.02%	4,605	1.32	32,500	27,500	31,800
CHPG2107	8/12/2021	52	5:1	127,700	36.32%	1,300	5,290	-5.87%	118	44.74	48,463	43,684	51,200
CHPG2108	8/12/2021	52	5:1	189,500	36.32%	1,200	5,160	-6.18%	116	44.52	48,124	43,713	51,200
CTCB2102	7/6/2021	15	2:1	165,200	37.56%	2,300	7,220	-6.72%	7,235	1.00	40,600	36,000	50,400
CREE2101	7/6/2021	15	4:1	264,400	30.62%	2,300	2,530	-9.64%	2,574	0.98	57,200	48,000	58,200
Tổng				2,512,300	36.59%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 21/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.
- CMWG2103 tăng mạnh 16.13%. CVRE2102 và CREE2101 giảm mạnh lần lượt là -11.32% và -9.64%. Giá trị giao dịch giảm -11.82%. CHPG2102 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.46% thị trường.
- CMWG2101, CMBB2101, CREE2101, CVPB2103, và CVPB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CHPG2020, và CVPB2015 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (MUA): Kỳ vọng Turn around

ELC_MUA_Giá mục tiêu: 18,750 VND (Link báo cáo cập nhật)

Mã cổ phiếu: ELC (HSX), Vốn hóa: 789 tỷ, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 51.5 triệu cổ phiếu, Giá thị trường: 15,600 VND, Sở hữu nước ngoài: 11.5%

Chuyên viên phân tích: Nguyễn Thị Cẩm Tú, CFA

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

BSC đưa ra khuyến nghị MUA đối với mã ELC với giá mục tiêu cho năm 2021 là 18,750 VND/cổ phiếu dựa trên hai phương pháp định giá FCFE và PE với tỷ trọng 50%/50%. BSC kỳ vọng trong 2 năm tới, hoạt động kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ (+52.2% YoY năm 2021 và +52% năm 2022), giúp mức P/E fw 2022 về 10.6 (từ mức P/E trailing 19.0 hiện tại).

DỰ PHÓNG KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2021, BSC kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận sau thuế của ELC đạt 1,101 tỷ (+37.3% YoY) và 48 tỷ (+52.2% YoY). EPS 2021 đạt 888 đồng, P/E fw 2021 đạt 16.1.

Năm 2022, BSC kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận sau thuế của ELC đạt 1,570 tỷ (+42.6% YoY) và 74 tỷ (+52.0% YoY). EPS 2022 đạt 1,350 đồng, P/E fw 2022 đạt 10.6.

QUAN ĐIỂM ĐẦU TƯ

ELC, thị phần thứ 2 trong thị trường ngách Giao thông thông minh, kỳ vọng hoạt động kinh doanh tăng trưởng mạnh trong 2 năm tới (+52.2% năm 2021 và +52% năm 2022) nhờ Chính phủ tập trung đầu tư Giao thông thông minh cho hạ tầng đường bộ.

ELC đang triển khai xây dựng tổ hợp văn phòng tại khu đất vàng 18 Nguyễn Chí Thanh (BSC không ghi nhận giá trị khu đất vào mô hình định giá hiện tại)

RỦI RO

Trích lập dự phòng cho các dự án

Phụ thuộc vào chính sách đầu tư, tiến độ giải ngân của chính phủ và doanh nghiệp

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Kết quả kinh doanh quý 1 năm 2021 tăng trưởng mạnh nhờ biên lợi nhuận gộp cải thiện. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế quý 1 đạt 183 tỷ (-2.2% YoY) và 10 tỷ (+134.9% YoY), tương đương hoàn thành 20% kế hoạch doanh thu và 26% kế hoạch lợi nhuận.

Biên lợi nhuận gộp tăng mạnh lên mức 19.8% so với mức 12.3% cùng kỳ, chủ yếu từ các dự án Viễn thông và Giao thông thông minh thực hiện từ trước. Hiện tại, công ty đang triển khai dự án Giao thông thông minh tại một số thành phố phía Bắc.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	145.8	3.4%	0.9	3,014	7.4	9,051	16.1	4.0	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	98.1	0.1%	1.0	970	1.7	4,974	19.7	3.9	49.0%	21.0%	
BVH	Bảo hiểm	59.7	-2.1%	1.5	1,927	4.2	2,548	23.4	2.2	27.2%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	40.2	-3.8%	0.5	391	0.2	3,809	10.6	1.3	54.9%	12.2%	
VIC	Bất động sản	117.4	0.0%	0.7	17,265	7.7	2,174	54.0	4.9	14.1%	9.0%	
VRE	Bất động sản	31.8	-2.2%	1.1	3,142	5.8	1,175	27.1	2.4	30.7%	9.3%	
VHM	Bất động sản	112.0	-0.4%	1.0	16,019	16.3	7,874	14.2	4.0	22.7%	33.6%	
DXG	Bất động sản	23.7	-1.9%	1.3	534	6.4	(61)		1.8	26.5%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	49.0	-3.0%	1.5	1,395	27.1	2,776	17.7	2.8	47.8%	16.2%	
VCI	Chứng khoán	53.2	1.3%	1.0	770	17.3	2,851	18.7	3.6	22.2%	22.1%	
HCM	Chứng khoán	43.8	-1.8%	1.6	581	8.5	2,462	17.8	2.8	48.0%	16.4%	
FPT	Công nghệ	85.6	2.1%	0.9	3,377	14.3	4,103	20.9	4.6	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	93.7	5.4%	0.4	1,115	0.2	5,165	18.1	5.4	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	93.0	0.3%	1.4	7,739	3.9	3,946	23.6	3.5	2.5%	14.9%	
PLX	Dầu khí	58.6	3.7%	1.5	3,169	16.7	2,915	20.1	3.1	17.2%	16.8%	
PVS	Dầu khí	30.4	1.7%	1.7	632	16.6	1,375	22.1	1.2	8.0%	5.4%	
BSR	Dầu khí	21.3	1.4%	0.8	2,871	16.6	(909)	N/A	N/A	2.1	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	95.5	-0.4%	0.4	543	0.0	5,647	16.9	3.3	54.6%	20.2%	
DPM	Hóa chất	23.1	1.3%	0.7	393	3.6	1,928	12.0	1.1	14.8%	9.4%	
DCM	Hóa chất	20.4	0.2%	0.6	468	3.3	1,122	18.1	1.7	2.3%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	106.6	-1.8%	1.1	17,190	9.8	5,709	18.7	3.9	23.3%	22.8%	
BID	Ngân hàng	45.0	-2.5%	1.3	7,869	8.4	2,048	22.0	2.3	16.6%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	50.3	-1.8%	1.3	8,143	24.8	4,765	10.6	2.1	25.3%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	66.5	0.0%	1.2	7,097	44.7	4,626	14.4	2.9	15.4%	22.5%	
MBB	Ngân hàng	40.7	0.2%	1.2	4,946	33.2	3,612	11.3	2.2	21.5%	21.6%	
ACB	Ngân hàng	34.8	-0.7%	1.0	4,082	8.3	3,194	10.9	2.5	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	60.6	-0.5%	0.7	216	0.5	6,160	9.8	2.1	82.8%	20.3%	
NTP	Nhựa	52.6	-2.4%	0.5	269	0.0	3,988	13.2	2.3	19.4%	17.8%	
MSR	Tài nguyên	22.7	5.1%	0.7	1,085	2.9	39	582.1	1.8	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	51.2	-1.7%	1.1	9,957	50.8	4,056	12.6	3.5	36.1%	31.3%	
HSG	Thép	42.2	-1.9%	1.4	897	23.4	4,914	8.6	2.5	8.6%	35.0%	
VNM	Tiêu dùng	90.6	-1.6%	0.7	8,233	16.7	4,682	19.4	6.0	54.8%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	170.0	-0.7%	0.8	4,740	0.9	7,561	22.5	5.5	62.8%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	108.7	2.1%	0.9	5,579	8.4	1,281	84.9	7.9	32.4%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	22.3	-2.2%	1.2	598	6.1	1,131	19.7	1.7	8.9%	8.7%	
ACV	Vận tải	71.6	0.1%	0.8	6,777	0.7	577	124.1	4.2	3.5%	3.4%	
VJC	Vận tải	114.0	-1.7%	1.1	2,685	3.3	2,256		4.1	18.3%	8.3%	
HVN	Vận tải	27.7	2.2%	1.7	1,708	1.5	(9,327)		27.3	9.2%	-155.4%	
GMD	Vận tải	43.1	-1.9%	1.0	564	4.4	1,246	34.6	2.1	41.0%	6.2%	
PVT	Vận tải	21.1	1.2%	1.3	297	3.7	2,281	9.3	1.4	12.6%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	106.9	-0.6%	1.0	744	1.3	8,479	12.6	4.1	4.0%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	30.2	-1.0%	0.4	589	0.3	1,604	18.8	2.0	5.9%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	17.1	1.8%	0.9	284	1.1	1,566	10.9	1.2	2.8%	11.0%	
CTD	Xây dựng	62.6	0.2%	1.0	202	1.2	3,352	18.7	0.6	44.0%	3.0%	
CII	Xây dựng	19.6	1.3%	0.5	203	3.0	56	351.4	1.0	23.2%	0.2%	
REE	Điện	58.2	-2.5%	-1.4	782	1.7	5,770	10.1	1.5	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	28.4	0.4%	-0.4	236	1.1	2,371	12.0	1.3	10.7%	13.2%	
POW	Điện	12.5	1.6%	0.6	1,273	9.6	1,037	12.1	1.0	3.1%	8.6%	
NT2	Điện	21.3	1.7%	0.5	267	0.9	1,872	11.4	1.5	14.8%	12.8%	
KBC	Khu công nghiệp	37.8	-1.9%	1.1	771	18.9	1,639	23.0	1.7	19.4%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	54.5	-1%	0.9	2,453	0.1			3.5	2.0%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVL	109.00	5.83	1.78	5.28MLN
PLX	58.60	3.72	0.75	6.57MLN
MSN	108.70	2.07	0.71	1.79MLN
MWG	145.80	3.40	0.63	1.18MLN
FPT	85.60	2.15	0.39	3.88MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.94	2.11MLN	1.11MLN
BID	0.00	-1.27	4.24MLN	607060
CTG	0.00	-0.92	11.27MLN	373600
VNM	0.00	-0.86	4.19MLN	192700
HPG	0.00	-0.82	22.61MLN	611640

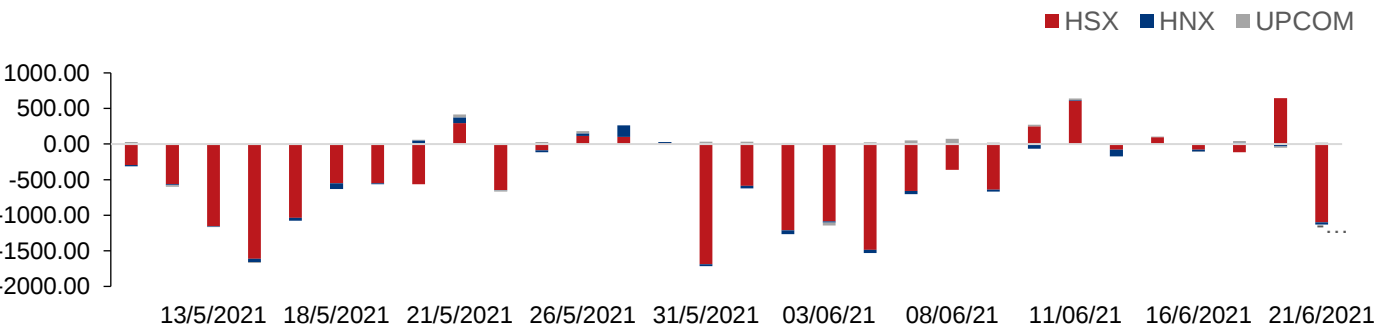
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
APG	10.85	14.21	0.01	2.39MLN
NHA	30.60	6.99	0.01	249300
VOS	6.43	6.99	0.02	8.54MLN
SMA	9.20	6.98	0.00	12700
DLG	3.86	6.93	0.02	23.34MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
COM	42.60	-6.99	-0.01	300
DCL	47.45	-6.96	-0.06	1.30MLN
TTE	9.33	-6.70	-0.01	700.00
TSC	11.90	-6.67	-0.03	6.22MLN
EMC	17.40	-5.95	-0.01	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	34.8	3,194	10.9	2.5	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	71.6	577	124.1	4.2	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.0	600	18.3	1.0	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.8	-363		1.0	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	30.1	3,834	7.8	1.3	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	50.3	4,765	10.6	2.1	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	20.4	1122.1	18.1	1.7	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	81.3	5,505	14.8	3.4	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	126.0	7,653	16.5	4.3	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	23.1	1,928	12.0	1.1	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	30.5	2,379	12.8	2.1	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	23.7	-61		1.8	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	85.6	4,103	20.9	4.6	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	34.5	1,091	31.6	2.9	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.0	7,082	6.1	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	51.2	4,056	12.6	3.5	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	42.2	4,914	8.6	2.5	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	17.1	1,566	10.9	1.2	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.9	-1,032		0.8	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	37.8	1,639	23.0	1.7	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	37.4	1,946	19.2	2.8	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	28.8			2.0	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	40.4	3,258	12.4	1.5	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	64.6	5,257	12.3	2.2	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	108.7	1,281	84.9	7.9	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	145.8	9,051	16.1	4.0	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	39.8	4,008	9.9	1.7	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	28.8	2,120	13.6	1.8	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	98.1	4,974	19.7	3.9	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.5	1,037	12.1	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	23.3	0	151.5	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	30.4	1,375	22.1	1.2	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	170.0	7,561	22.5	5.5	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.3	1,131	19.7	1.7	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	39.5	8272.5	4.8	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.4	4,074	12.4	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	106.6	5,709	18.7	3.9	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	47.0	4,166	11.3	2.5	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	20.6	570	36.1	1.7	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	45.7	3,837	11.9	1.6	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	112.0	7,874	14.2	4.0	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	90.6	4,682	19.4	6.0	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	66.5	4,626	14.4	2.9	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	31.8	1,175	27.1	2.4	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	81.8	3,256	25.1	7.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639